Ký bởi: Ủy ban Nhân dân huyện Chư Prông
Email: ubndchuprong@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Ngày ký: 26.11.2020 13:48:39 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PRÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2068 /UBND - NL V/v lấy ý kiến tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội về kết quả thẩm tra hồ sơ mức độ đạt từng tiêu chí kết quả xây dựng nông thôn mới của xã Ia Lâu	*Chư Prông, ngày 26 tháng 11 năm 2020*

Kính gửi:
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện;
- Các Hội: Nông dân; Liên hiệp Phụ nữ; Cựu chiến binh huyện;
- Đoàn Thanh niên huyện;
- Liên Đoàn lao động huyện;
- Phòng Văn hóa – Thông tin;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT;
- Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã xây dựng nông thôn mới.

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Công văn số 106/VPĐP-NTM ngày 15/11/2018 của Văn phòng Điều phối Nông thôn mới tỉnh về việc chuẩn bị hồ sơ minh chứng kết quả thực hiện trình tự, thủ tục công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Trên cơ sở kết quả đánh giá của đoàn thẩm tra, UBND huyện tổ chức lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến về kết quả thẩm tra hồ sơ mức độ đạt từng tiêu chí xã Ia Lâu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 như sau:

1. Ủy ban nhân dân các xã:

Căn cứ dự thảo báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Ia Lâu năm 2020, các xã tổ chức tham gia góp ý kiến kết quả xây dựng nông thôn mới, văn bản tham gia góp ý kiến bằng bản chính.

2. Phòng Văn hóa – Thông tin và Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện:

- Phòng Văn hoá – Thông tin đăng tải nội dung tin bài trên trang thông tin điện tử của huyện về xã Ia Lâu đủ điều kiện đề nghị công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 để lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn huyện.

- Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao công bố ít nhất 03 lần trên sóng phát thanh của huyện.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Liên Đoàn lao động và Đoàn Thanh niên huyện:

Trên cơ sở dự thảo báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí của xã Ia Lâu, đề nghị các Hội, đoàn thể huyện tham gia góp ý kiến về kết quả xây dựng nông thôn mới.

(Uỷ ban nhân dân huyện gửi kèm Dự thảo báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí của xã Ia Lâu)

Báo cáo kết quả lấy ý kiến tham gia của UBND các xã và các Hội, đoàn thể gửi về UBND huyện *(qua Phòng Nông nghiệp và PTNT)* **trước ngày 02/12/2020.**

4. Giao Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện: Tổng hợp các ý kiến đóng góp vào dự thảo báo cáo thẩm tra, tham mưu UBND huyện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt từng tiêu chí của xã Ia Lâu gửi Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định theo quy định **trước ngày 04/12/2020**.

Nhận được văn bản này, UBND huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các xã khẩn trương triển khai thực hiện, đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các Hội, đoàn thể phối hợp để hoàn thành nhiệm vụ xét, công nhận xã Ia Lâu đạt chuẩn nông thôn mới./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lãnh đạo VP HĐND-UBND huyện;
- UBND xã Ia Lâu;
- Lưu VT-NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Vũ Đình Hạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PRÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: /BC-UBND **DỰ THẢO**	*Chư Prông, ngày tháng 11 năm 2020*

BÁO CÁO
Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới cho xã Ia Lâu năm 2020

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 23/03/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của UBND tỉnh Gia lai về việc ban hành hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ đề nghị của UBND xã Ia Lâu tại Tờ trình số 122/Tr-UBND ngày 20/11/2020 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã, UBND huyện Chư Prông báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho xã Ia Lâu năm 2020, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA:

Thời gian thẩm tra (từ ngày 24/11/2020 đến ngày 02/12/2020):

1. Về hồ sơ:

Xã đã hoàn chỉnh hồ sơ, đề nghị xét công nhận xã nông thôn mới đầy đủ theo đúng hướng dẫn của Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới:

Tổng số 19 tiêu chí, UBND huyện tổ chức thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới của là 19/ 19 tiêu chí theo quy định, đạt 100 %, cụ thể:

2.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch:

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Xã có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.

Xã ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Xã Ia Lâu gồm 10 thôn (làng) đến nay đã quy hoạch tổng thể so với bộ tiêu chí thì đạt chuẩn về định hướng quy hoạch trên địa bàn toàn xã như quy hoạch khu dân cư, quy hoạch cụm công trình công cộng, quy hoạch điện, đường, trường, trạm, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội.

- Các nội dung đã thực hiện:

Đã quy hoạch sử dụng đất và hạ tầng thiết yếu cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ.

Điều chỉnh các quy hoạch cũ không còn phù hợp với hiện trạng thực tế của đại phương.

Đã quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội – theo chuẩn mới.

Quy hoạch phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có theo hướng văn minh đúng nội dung của bộ tiêu chí XDNTM.

Thực hiện việc cắm mốc chỉ giới theo quy hoạch, ban hành quy chế quản lý theo quy hoạch và công tác niêm yết công khai bản vẽ quy hoạch.

- Khối lượng thực hiện:

Đã điều chỉnh quy hoạch giai đoạn 2016-2020

Phê duyệt quy hoạch xã giai đoạn 2016-2020.

Xã đã có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn

Xã ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

- Kinh phí đã thực hiện: 65,349 triệu đồng.

c. Kết quả thẩm tra: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông:

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.

Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Xã Ia Lâu gồm 10 thôn (làng) đến nay đã quy hoạch tổng thể so với bộ tiêu chí thì đạt chuẩn về định hướng quy hoạch trên địa bàn toàn xã như quy hoạch khu dân cư, quy hoạch cụm công trình công cộng, quy hoạch điện, đường, trường, trạm, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội.

- Các nội dung đã thực hiện:

- Thực trạng công tác quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống đường giao thông nông thôn và sự tham gia của cộng đồng dân cư: Cùng với việc đầu tư xây dựng, mở mới các tuyến đường, UBND xã cũng rất quan tâm chú trọng tới công tác quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống đường giao thông trên địa bàn xã mình. Hằng năm, huy động nhân dân đóng góp tiền, ngày công và đóng góp của các tổ chức kinh tế đứng chân trên địa bàn đã triển khai duy tu, sửa chữa các công trình giao thông trên địa bàn nhằm đảm bảo thời gian khai thác sử dụng lâu dài, đảm bảo an toàn giao thông và xây làm mới các tuyến đường.

- Khối lượng thực hiện:

- Mô tả hiện trạng và thống kê chiều dài các tuyến giao thông trên địa bàn các xã của xã, bao gồm:

+ Tổng số Km đường trục xã; đường trục thôn, xóm; đường ngõ, xóm và đường trục chính nội đồng: 52,864 km.

+ Tổng số cầu, cống, ngầm, tràn trên đường trục xã, trục thôn, xóm; đường ngõ, xóm và đường trục chính nội đồng: cầu 8 cái.

- Xác định số km đường đã đạt chuẩn theo chuẩn nông thôn mới cho từng loại đường theo nội dung sau đây:

+ Đường xã và đường từ trung tâm xã đến huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm. Tổng số 10,2 km, số km nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn: 10,2 km; đạt 100 % so với tổng số;

+ Đường trục thôn và đường liên thôn được cứng hóa hóa đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm. Tổng số 13,453 km, số km cứng hóa đạt chuẩn: 11,351 km; đạt 84,37% so với tổng số;

+ Đường ngõ, xóm được cứng hóa: 10,455/16,611 km đạt 63%;

+ Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa: 16,611 /16,611 km đạt 100%;

+ Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm: 9,96/12,06 km đạt 79%.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 6.623 triệu đồng.

c. Kết quả thẩm tra: Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi:

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt 80% trở lên.

Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động (Diện tích gieo trồng cả năm thực tế được tưới và Diện tích gieo trồng cả năm được xác định theo số liệu của năm đánh giá tiêu chí) là: có 3.778 ha được tưới tiêu chủ động trên 3.778 ha đạt 100% đạt chuẩn theo bộ tiêu chí quốc gia (theo quy định > 80%).

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ đã đạt.

- Các nội dung đã thực hiện:

- Hàng năm kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn xã. Đánh giá kết quả đạt được của năm trước, đề ra phương hướng, nhiệm vụ năm tiếp theo

- Thực trạng công tác quản lý, duy tu bảo dưỡng hệ thống thủy lợi và sự tham gia của cộng đồng dân cư: Vận động nhân dân nạo vét kênh mương. Hằng năm, huy động nhân dân đóng ngày công để nạo vét kênh mương trên địa bàn nhằm đảm bảo nguồn nước tưới tiêu cho các loại cây trồng.

- Khối lượng thực hiện:

Trên địa bàn xã Ia Lâu có 01 hồ đập lớn (hồ chứa Pleipai), trạm bơm tưới tiêu kết hợp, hệ thống thủy lợi nội đồng được bê tông hóa phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất.

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động (Diện tích gieo trồng cả năm thực tế được tưới và Diện tích gieo trồng cả năm được xác định theo số liệu của năm đánh giá tiêu chí) là: có 3.778 ha được tưới tiêu chủ động trên 3.778 ha đạt 100% đạt chuẩn theo bộ tiêu chí quốc gia (theo quy định > 80%).

Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ

c. Kết quả thẩm tra: Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2.4. Tiêu chí số 4 về Điện

a. Yêu cầu của tiêu chí số:

Hệ thống điện đạt chuẩn: Đạt

Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn: ≥98%

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Thường xuyên phối hợp chi nhánh Điện Bàu Cạn kiểm tra hệ thống lưới điện, trạm biến áp trên địa bàn xã, phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố đường điện, đảm bảo an toàn lưới điện trong mùa mưa bão.

Toàn bộ hệ thống thường xuyên được kiểm tra, rà soát các tuyến đường dây trung áp, trạm biến áp, đường dây hạ thế và được đầu tư, cải tạo lưới điện bằng các nguồn vốn khác nhau như: xây dựng cơ bản, sửa chưa lớn, sửa chữa thường xuyên đảm bảo lưới điện vận hành an toàn, cung cấp điện liên tục, chất lượng đạt yêu cầu kỹ thuật của hệ thống.

- Khối lượng thực hiện:

Hệ thống điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của nhân dân: Số trạm biến áp hiện có đảm bảo phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và sản xuất.

- Tỷ lệ hộ dùng điện là 100% (2.160/2.160 hộ).

c) Kết quả thẩm tra: Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2.5. Tiêu chí số 5 về Trường học:

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Trường học thuộc xã bao gồm các trường: Mẫu giáo Hoa Hồng, Tiểu học Lương Thế Vinh, Trung học cơ sở Trần Quốc Tuấn. Yêu cầu các trường học đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và TBDH theo quy định của Bộ Giáo dục – đào tạo.

Tỷ lệ trường học các cấp có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia: Đạt 70% số trường học trên địa bàn xã.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trường học trên địa bàn xã có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ GD&ĐT:

- Trường Mẫu giáo Tân Tiến: Đạt

- Trường tiểu học Phạm Hồng Thái: Căn cứ theo tiêu chuẩn cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia trường tiểu học Phạm Hồng Thái đạt chuẩn.

- Trường THCS Lê Đình Chinh: Căn cứ theo tiêu chuẩn cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia trường Trung học cơ sở Lê Đình Chinh đạt chuẩn.

Tỷ lệ trường học thuộc xã có CSVC và TBDH đạt chuẩn quốc gia trheo quy định của Bộ GD&ĐT: Đạt 3/3 trường (100%)

c. Kết quả thẩm tra: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2.6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa:

a. Yêu cầu của tiêu chí:

- Có nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa,Thể thao và Du lịch tại Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của các Trung tâm văn hóa - thể thao xã.

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người già cao tuổi theo quy định.

- 100% thôn hoặc liên thôn có nhà văn hóa và khu thể thao đạt chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của nhà văn hóa - khu thể thao thôn.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Trên địa bàn xã có 10 thôn, làng. Trong đó đã có 10/10 thôn, làng có nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng đạt chuẩn.

Đã tiến hành thi công xây dựng nhà văn hóa xã đạt chuẩn theo quy định của Bộ văn hóa thể thao và du lịch.

- Các nội dung đã thực hiện:

Thường xuyên phối hợp với các thôn, làng tuyên truyền vận động nhân dân đóng góp xây dựng Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, làng đạt chuẩn theo quy định.

Xây dựng Nhà văn hóa đạt chuẩn ở 02 thôn Đà Bắc, Hòa Bình với kinh phí 665 triệu đồng.

- Khối lượng thực hiện:

Xây dựng Nhà văn hóa đạt chuẩn ở 02 thôn Đà Bắc, Hòa Bình với kinh phí 665 triệu đồng.

- Kinh phí đã thực hiện: 665 triệu đồng.

c. Kết quả thẩm tra: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Xã có chợ nông thôn hoặc chợ liên xã theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh.

Xã có điểm mua bán tập trung, giao thương hàng hóa theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Trên địa bàn xã có 01 chợ mua bán tập trung, giao thương hàng hóa

Các nội dung đã thực hiện:

Thường xuyên phối hợp với hộ gia đình đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh giao thương hàng hóa.

- Khối lượng thực hiện:

Xã đã có điểm mua bán tập trung, giao thương hàng hóa đáp ứng nhu cầu mua bán của người dân trên địa bàn xã.

c. Kết quả thẩm tra: Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông:

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Xã có điểm phục vụ bưu chính.

Xã có dịch vụ viễn thông, in ternet.

Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn.

Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Nâng cao vai trò trách nhiệm của điểm phục vụ bưu chính xã

Xã luôn đôn đốc các bộ văn hóa, đài truyền thanh xã thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực truyền thanh các chủ trương, đường lối của đảng và nhà nước.

Xử dụng công nghệ thông tin trong công tác điều hành nhiệm vụ của UBND xã

- Các nội dung đã thực hiện:

- Nâng cao hiệu quả điểm bưu chính viễn thông xã

- Dịch vụ viễn thông Internet đảm bảo theo quy định đến 10/10 thôn, làng.

- Sửa chữa đài truyền thanh và hệ thống loa phát thanh đảm bảo theo quy định.

- Xây dựng trang thông tin điện tử trong công tác quản lý điều hành.

- Khối lượng thực hiện:

- Hiện nay xã có 1 bưu điện hoạt động với diện tích 60m^2, cơ sở vật chất đảm bảo theo quy định.

- Xã có dịch vụ viễn thông Internet đảm bảo theo quy định.

- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa phát thanh đảm bảo theo quy định.

- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 500 triệu đồng.

c. Kết quả thẩm tra: Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư:

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Trên địa bàn không còn hộ gia đình có nhà tạm, nhà dột nát;

Đạt mức quy định tối thiểu của vùng về tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

Phối hợp với các ban ngành đoàn thể xã tuyên truyền, vận động tạo mọi điều kiện hỗ trợ nhân dân xóa bỏ nhà tạm, nhà dột nát.

Tận dụng mọi nguồn vốn để xây dựng nhà ở cho các hộ dân khó khăn, hộ nghèo, cận nghèo, hộ gia đình có công với cách mạng.

- Khối lượng thực hiện:

+ Tổng số hộ có nhà đạt chuẩn: 1.728/2.160 nhà; tỷ lệ 80%.

+ Tổng số hộ còn nhà tạm, dột nát: 0; tỷ lệ 0% (quy không có nhà tạm, nhà dột nát). **đạt.**

Hiện nay trên địa bàn xã Ia Lâu chủ yếu là nhà cấp 4, xây dựng đúng quy hoạch, kiến trúc phụ thuộc vào sở thích của mỗi gia đình

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 600 triệu đồng.

c. Kết quả thẩm tra: Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập:

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Thu nhập bình quân đầu người/năm khu vực nông thôn năm 2020 thu nhập bình quân đạt: 41 triệu đồng/người/năm.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

Tình hình sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã xây dựng nông thôn mới tương đối ổn định. Những năm qua do ảnh hưởng của biến đổi khi hậu tình hình hạn hán diễn ra gay gắt làm ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của cây trồng đặc biệt là cây công nghiệp. Thêm vào đó giá cả một số mặt hàng nông sản, sản phẩm nông nghiệp xuống thấp dẫn đến thu nhập của người dân giảm sút làm ảnh hưởng đến đơi sống của người dân trên địa bàn xã nhất là đồng bào dân tộc thiểu số.

- Các nội dung đã thực hiện:

Điều tra thu nhập hộ gia đình trên địa bàn xã theo hướng dẫn của Chi cục thống kê huyện.

Khuyến khích tạo mọi điều kiện để phát triển kinh tế hộ gia đình.

Cấp hỗ trợ 750 cây mít cho các hộ người đồng bào khu vực 2 làng (Làng Tu, Làng Đút) để cải tạo vườn tạp hộ gia đình tăng thu nhập hộ.

Cấp 13 con bò giống sinh sản, 5.222 kg phân bón cho hộ nghèo, cận nghèo để phát triển kinh tế.

Phối hợp với Hợp tác xã Công nông nghiệp và Dịch vụ Hợp Tiến cấp 14.148kg phân bón cho các hộ tham gia chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa, 57.932 kg phân bón cho các hộ tham gia chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ Điều trên địa bàn.

Cấp 15.259 cây giống cây điều để tái canh điều già cỗi và trồng xen.

Làm việc với các Doanh nghiệp trên địa bàn xã tạo việc làm cho lao động trên địa bàn xã

- Khối lượng thực hiện:

+ Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 của xã đạt 41,3 triệu đồng/người/ năm.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 1.276 triệu đồng.

c. Kết quả thẩm tra: Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2.11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo:

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020: < 7%

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

Điều tra hộ nghèo trên địa bàn xã theo hướng dẫn của phòng Lao động TBXH huyện.

Khuyến khích tạo mọi điều kiện để phát triển kinh tế hộ gia đình.

Phân loại hộ nghèo, cận nghèo để có phướng hướng giúp đỡ hộ thoát nghèo bền vững.

Cấp hỗ trợ 750 cây mít cho các hộ người đồng bào khu vực 2 làng (Làng Tu, Làng Đút) để cải tạo vườn tạp hộ gia đình tăng thu nhập hộ.

Cấp 13 con bò giống sinh sản, 5.222 kg phân bón cho hộ nghèo, cận nghèo để phát triển kinh tế.

Phối hợp với Hợp tác xã Công nông nghiệp và Dịch vụ Hợp Tiến cấp 14.148kg phân bón cho các hộ tham gia chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm lúa, 57.932 kg phân bón cho các hộ tham gia chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ Điều trên địa bàn.

Cấp 15.259 cây giống cây điều để tái canh điều già cỗi và trồng xen.

Làm việc với các Công ty, Doanh nghiệp trên địa bàn xã tạo việc làm cho lao động trên địa bàn xã

- Khối lượng thực hiện:

Tổng số hộ nghèo trên địa bàn xã đến nay là 131/2.160 hộ.

Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn 6,0% (quy định <=7%).

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 1.276 triệu đồng.

2.12. Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm thường xuyên:

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng lao động > 90%

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

Điều tra cung cầu lao động hàng năm trên địa bàn xã theo hướng dẫn của phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện.

Làm việc với các Doanh nghiệp trên địa bàn xã tạo việc làm cho lao động trên địa bàn xã.

Tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, có chế độ thu hút doanh nghiệp đầu tư trong và ngoài địa bàn đầu tư vào địa bàn xã, sử dụng lực lượng lao động sẵn có tại địa phương.

- Khối lượng thực hiện:

- Tổng số dân trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã xây dựng nông thôn mới: 5.557 người;

- Tổng số lao động có việc làm thường xuyên 5.510 người, chiếm tỷ lệ 99,1 % số dân trong độ tuổi lao động (quy định >=90%).

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 0 triệu đồng.

c. Kết quả thẩm tra: Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất:

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012.

Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

Tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia các tổ chức liên kết sản xuất trên địa bàn trong và ngoài xã.

Khuyến khích tạo điều kiện cho các cá nhân, tập thể đăng ký thành lập hợp tác xã trên địa bàn.

Khuyến khích phát triển các mô hình liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác với người dân về sản xuất và tiêu thụ nông sản chủ lực trên địa bàn một cách bền vững.

- Khối lượng thực hiện:

Trên địa bàn xã có 30 tổ viên hợp tác xã tham gia sản xuất kinh doanh tại hợp tác xã Công Nông nghiệp và Dịch vụ Hợp Tiến đặt trụ sở tại xã Ia Lâu, huyện Chư Prông.

Hơn 80 hộ dân ký kết tham gia chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Điều và hơn 50 hộ dân ký kết tham gia chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Lúa với Hợp tác xã Công nông nghiệpvà Dịch vụ Hợp Tiến.

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 0 triệu đồng.

c. Kết quả thẩm tra: Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2.14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo:

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục THCS.

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học tiếp THPT, bổ túc, trung cấp: > 70%.

Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo: > 25%.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Thường xuyên phối hợp với các trường học trên địa bàn xã tăng cường vận động học sinh trong độ tuổi đến trường đúng độ tuổi, nâng cao chất lượng dạy và học.

- UBND huyện chỉ đạo Phòng Lao động TBXH, Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp và Giáo dục Thường xuyên huyện mở các lớp dạy nghề cho lao động nông thôn.

- Khối lượng thực hiện:

- Tỷ lệ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Đạt

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề đạt 99% (quy định >=70%). (có 104 học sinh tốt nghiệp THCS được học lên/ tổng số 105 học sinh).

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo đạt 25% . Có 1.378 lao động có việc làm qua đào tạo/ tổng số 5.510 lao động (đạt 25 %).

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 0 triệu đồng.

c. Kết quả thẩm tra: Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2.15. Tiêu chí số 15 về Y tế:

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế đạt từ 85% trở lên.

Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) < 31.4%.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Tuyên truyền, vận động nhân dân trên địa bàn xã tham gia Bảo hiểm y tế tự nguyên dưới nhiều hình thức

- Tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hỗ trợ các hộ nghèo, cận nghèo, hộ khó khăn, tiếp cận BHYT....

- Xây dựng Trạm y tế xã.

- Trạm Y tế xã phối hợp với các thôn, làng tuyền truyền về dinh dưỡng cho trẻ em, đặc biệt chú trọng đến khu vực 2 làng (Làng Tu, Làng Đút)

- Khối lượng thực hiện:

- Tỷ lệ người dân tham gia các bảo hiểm y tế là 9.526/9.935 đạt 95,88% (quy định >=85%).

- Xây dựng Trạm y tế xã đạt chuẩn theo quy định của Bộ y tế.

- Xây dựng vườn thuốc Nam theo quy định.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) đạt 20,1 % (185/920) (quy định <=31,4%).

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 0 tỷ đồng.

c. Kết quả thẩm tra: Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2.16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa:

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt chuẩn văn hóa theo quy định 70% trở lên.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Tuyên truyền, vận động nhân dân trên địa bàn xã tích cực hưởng ứng phong trào " Toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" gắn với phong trào " Xã Ia Lâu chung tay cùng cả nước xây dựng nông thôn mới"

- Tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về văn hóa khu dân cư kiển mẫu.

- Bình xét gia đình văn hóa theo từng năm đúng tiêu chí của Bộ văn hóa thể thao và du lịch..

- Khối lượng thực hiện:

Trong những năm qua, phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", phong trào xây dựng thôn, làng văn hóa là một trong những phong trào phát triển mạnh mẽ và thường xuyên nhất. Vận động thôn, làng đã làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản, tiêu chí công nhận các danh hiệu văn hóa để nhân dân nắm bắt được cùng phấn đấu thực hiện. Hầu hết các thôn, làng đều thực hiện đầy đủ 5 tiêu chuẩn với 24 tiêu chí công nhận danh hiệu "Thôn văn hóa", "Làng văn hóa" *(theo quy định của Thông tư 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).*

Đến nay, toàn xã đã có 8/10 thôn văn hóa, làng văn hóa được công nhận, tỷ lệ 80 % (quy định >=70%); có từ 50% các thôn, làng trở lên được công nhận và giữ vững danh hiệu "Thôn văn hóa", "Làng văn hóa".

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 0 tỷ đồng.

c. Kết quả thẩm tra: Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm:

a. Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định > 95%

Tỷ lệ cơ sở sản xuất- kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường: 100%.

Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh- sạch - đẹp- an toàn.

Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất-kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.

Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: >= 70%.

Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường: >= 60%.

Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: 100%.

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Tuyên truyền, vận động nhân dân trên địa bàn xã tích cực hưởng ứng phong trào " Xã Ia Lâu chúng tay cùng cả nước xây dựng nông thôn mới".

- Tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Vận động nhân dân ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn trên địa bàn xã.

- Lấy mẫu và phân tích mẫu nước trên địa bàn xã.

- Điều tra nước sạch hàng năm theo hướng dẫn của Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện.

- Quy hoạch nghĩa trang theo quy hoạch xây dựng nghĩa trang hiện có

- Vận động nhân dân tự thu gom, xử lý rác bằng hình thức đào hố rác gia đình.

- Khối lượng thực hiện:

- Đa số các hộ gia đình trên địa bàn xã sử dụng nước từ giếng đào, giếng khoan và một số ít người dân dùng nước từ công trình cấp nước tập trung, giọt nước, cơ bản đảm bảo nguồn nước hợp vệ sinh cho nhân dân trên địa bàn sử dụng. Ngoài ra để triển khai các hoạt động làm giảm ảnh hưởng ô nhiễm môi trường, thời gian qua đã huy động cộng đồng tham gia hưởng ứng tham gia xây dựng nông thôn mới và thực hiện tiêu chí môi trường trên địa bàn huyện như: Vận động nhân dân thực hiện *"ngày vì môi trường"*, huy động sức mạnh nội lực, phát động phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, chỉnh trang nhà cửa, vườn tược, vệ sinh đường làng, ngõ xóm, không chăn thả gia súc bừa bãi, làm chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh.

17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định về bảo vệ môi trường

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước hợp vệ sinh 2.160/2.160 hộ đạt 100% (quy định >=95%).

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch: 2.160/2.160 hộ, đạt 100%.

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định: Hiện tại trên địa bàn xã không có cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề.

17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh-sạch-đẹp, an toàn

- Các khu vực công cộng không có hiện tượng xả nước thải, chất thải rắn bừa bãi gây mất mỹ quan.

- Kênh mương, đường làng ngõ xóm, khu vực công cộng được vệ sinh thường xuyê, sạch sẽ

17.4. Mai táng phù hợp với phong tục tập quán, quy định và theo quy hoạch

Hiện tại trên địa bàn xã có nghĩa trang chung của xã, được quy hoạch và cắm mốc theo đúng quy định pháp luật.

Xã có quyết định công nhận ban quản trang cho nghĩa trang chung. Xây dựng quy chế quản lý nghĩa trang theo quy chế chung.

17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.

5.1: Về nước thải:

- Các hộ gia đình trên địa bàn xã đều có hố tiêu, thoát nước thải tại hộ gia đình; có 2 hình thức: hố kín và hở.

- 10/10 thôn, làng thường xuyên tổ chức phát động nhân dân khơi thông cống rãnh thoát nước, không để ngập úng, tù đọng trong khu dân cư.

5.2: Về chất thải rắn:

Xã đã xây dựng phương án thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng theo đúng quy định (xây dựng 17 bể chức rác thải sản xuất tại các khu nội đồng).

Xã đã xây dựng Đề án thu gom, xử lý rác thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xã.

- Có hương ước, quy ước với 10/10 thôn, làng với sự tham gia của cả cộng đồng thực hiện đúng các quy định của địa phương đối với chất thải rắn, nước thải.

- Mỗi hội gia đình đều đào hố rác xử lý rác thải tại gia.

17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch:

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh và đảm bảo: 1.766/2.160 hộ, đạt 82% (quy định >=70%).

- Tỷ lệ hộ có nhà tắm hợp vệ sinh và đảm bảo 1.505/2.160 hộ, đạt 70%

- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo cuộc vận động " xây dựng gia đình 5 không 3 sạch": 1.823/1.920 hộ, đạt 95%.

17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường:

- Số hộ chăn nuôi ký cam kết bảo vệ môi trường trên địa bàn xã 146/146 hộ. đạt 100%.

Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường 118/146 hộ, đạt 80,8% (quy định >=60%).

17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm:

Tổng hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: 2.160 hộ, trong đó

+ 68 hộ kinh doanh nhỏ lẻ ký cam kết Bảo vệ môi trường với UBND xã, đạt 100%.

+ 0 hộ kinh doanh dịch vụ ăn uống trên địa bàn.

+ 2.092 hộ sản xuất nông lâm thủy sản ban đầu ký cam kết Bảo vệ môi trường với UBND xã, đạt 100%.

Kinh phí đã thực hiện (nếu có): 866 triệu đồng.

c. Kết quả thẩm tra: Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2.18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:

a. Yêu cầu của tiêu chí:

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn

- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định

- Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn " trong sạch, vững mạnh"

- Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên

- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định

- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Các nội dung đã thực hiện:

Tiến hành kiểm tra, rà soát, đối chiếu trình độ các mặt (học vấn; chuyên môn nghiệp vụ; lý luận chính trị; kiến thức bồi dưỡng) của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã với tiêu chuẩn cụ thể theo quy định đối với từng chức vụ cán bộ, chức danh công chức. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch và cử đi đào tạo, bồi dưỡng để đạt chuẩn theo quy định.

Thực hiện điều động, luân chuyển cán bộ, công chức không đạt chuẩn để bố trí cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu xây dựng xã nông thôn mới.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm nhằm đạt chuẩn đội ngũ cán bộ, công chức.

Hàng năm cử cán bộ, công chức tham gia các lớp học, bồ dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị để nâng cao trình độ.

Đảm bảo thực hiện theo Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 8/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Thông tư 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ Tư pháp về quy định điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các tiêu chí tiếp cận, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Tuyên truyền Luật hôn nhân gia đình và bình đăng giới tới từng hộ gia đình, Nâng cao vài trò của Ban hòa giải thôn, làng để hòa giải tại thôn, làng hạn chế khiếu kiện, khiếu nạn vượt cấp.

Xây dựng các buổi tuyên truyền pháp luật tới từng thôn, làng, triển khai các văn bản pháp luật của Nhà nước đến tận người dân.

- Khối lượng thực hiện:

+ Tổng số cán bộ, công chức: 21 người (cán bộ 10, công chức 11). Số cán bộ đạt chuẩn: 10/10 người (đạt tỷ lệ 100%). Số công chức đạt chuẩn: 10/10 người (đạt tỷ lệ 100%).

+ Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định: Đảng bộ; HĐND, UBND, các Ban giúp việc HĐND; Mặt trận Tổ quốc, Đoàn TNCSHCM, Hội LHPN, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh.

+ Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch vững mạnh".

+ Các tổ chức đoàn thể chính trị-xã hội của xã (Mặt trận tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội LHPN, Đoàn Thanh niên) được đánh giá đạt loại cao nhất.

+ Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

+ Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

c. Kết quả thẩm tra: Đạt (trên cơ sở kết quả thẩm tra so với yêu cầu của tiêu chí).

2.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh:

a. Yêu cầu của tiêu chí:

- Xây dựng lực lượng dân quân " vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng

- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đống người kéo dài; không để xảy ra tình trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm trước

b. Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Công tác xây dựng lực lượng dân quân được Đảng ủy, UBND xã quan tâm và chỉ đọa quyết liệt, hoàn thành các chỉ tiêu quuốc phòng trên địa bàn xã.

- Hàng năm cử dân quân, công an viên, thường trực tham gia các lớp học, bồ dượng chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ.

- An ninh chính trị, an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững, không để xảy ra khiểu kiện kéo dài, vượt cấp.

- Nâng cao vài trò của Ban hòa giải thôn, làng để hòa giải tại thôn, làng hạn chế khiếu kiện, khiếu nạn vượt cấp.

- Khối lượng thực hiện:

- Về xây dựng lực lượng dân quan "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành chỉ tiêu quốc phòng:

Ban Chỉ huy Quân sự và dân quân xã đạt yêu cầu so với tiêu chí của bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Trong đó: Chỉ huy trưởng, chỉ huy phó đã được đào tạo, Trung đội trưởng dân quân cơ động là đảng viên. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" đảm bảo theo quy định, tỷ lệ dân quân hiện nay đạt 1,1% so với tổng dân số, thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu về quốc phòng.

Tỷ lệ đảng viên trong dân quân nòng cốt đạt 18%

- Về an ninh trật tự:

Xã đã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên. Ban công an và Ban chỉ huy quân sự đã phối hợpchặt chẽ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ như tuần tra canh gác, bảo vệ các mục tiêu trọng điểm. Trực bảo vệ tất cả các ngày Tết và ngày lễ không để xảy ra điểm nóng. Duy trì và phát huy phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, tuyên truyền toàn dân tham gia phòng chống tội phạm có kết quả tốt. Duy trì tốt cơ chế phối hợp 107.

c. Kết quả thẩm tra: Đạt (trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới: Xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

II. KẾT LUẬN:

1. Về hồ sơ:

Xã đã hoàn chỉnh hồ sơ, đề nghị xét công nhận xã nông thôn mới đầy đủ theo đúng hướng dẫn của Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới:

Tổng số tiêu chí nông thôn mới của xã Ia Lâu đã được các phòng ban chuyên môn phụ trách các tiêu chí của huyện Chư Prông thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới:

Xã không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

III. KIẾN NGHỊ:

Đề nghị UBND tỉnh xem xét, công nhận xã Ia Lâu đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2020./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Văn phòng ĐP NTM tỉnh;
- Các phòng, ban phụ trách các tiêu chí, chi tiêu;
- CT, PCT UBND huyện;
- CVP, PCVP, CV-TH;
- Lưu VT-NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI XÃ IA LÂU, HUYỆN CHƯ PRÔNG, TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /11/2020 của UBND huyện)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra
I. QUY HOẠCH							
1	**Quy hoạch**	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI							
2	**Giao thông**	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm		Tỷ lệ nhựa hoá hoặc bê tông hoá đạt 100%	(10,2 km đạt chuẩn/10,2 km (đạt 100%).	Đạt	(10,2 km đạt chuẩn/10,2 km (đạt 100%).
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm		Tỷ lệ cứng hoá >= 70%	(có 9,88 km đạt chuẩn/12,89 km (đạt 84,37%)	Đạt	(có 9,88 km đạt chuẩn/12,89 km (đạt 84,37%)
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa		Đạt 100%, trong đó: cứng hoá >= 50%	Có 16,611 km sạch không lầy lội/16,611 km (đạt 100%), trong đó: được cứng hóa 10,455 km /16,611 km	Đạt	Có 16,611 km sạch không lầy lội/16,611 km (đạt 100%), trong đó: được cứng hóa

					(đạt 63%)		10,455 km /16,611 km (đạt 63%)
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm		Tỷ lệ cứng hoá >= 70%	9,96/12,06 km cứng hóa Có 9,96 km không lầy lội/12,06km (đạt 79%)	Đạt	9,96/12,06 km cứng hóa Có 9,96 km không lầy lội/12,06km (đạt 79%)
3	**Thủy lợi**	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên		Đạt	Có 3.778 ha được tưới/3778 ha (đạt 100%)	Đạt	Có 3.778 ha được tưới/3778 ha (đạt 100%)
		3.2. Đảm bảo đủ Điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
4	**Điện**	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn		Đạt		Đạt	
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	%	≥98%	Có 2.160 hộ sử dụng điện an toàn/tổng số 2.160 hộ đạt 100%	Đạt	Có 2.160 hộ sử dụng điện an toàn/tổng số 2.160 hộ đạt 100%
5	**Trường học**	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	%	≥70%	Có 03 trường: Mẫu giáo Tân Tiến, Tiểu học Phạm Hồng Thái và Trung học cơ sở Lê Đình Chinh đảm bảo đạt chuẩn theo quy định. (100%)	Đạt	Có 03 trường: Mẫu giáo Tân Tiến, Tiểu học Phạm Hồng Thái và Trung học cơ sở Lê Đình Chinh đảm bảo đạt chuẩn theo quy định. (100%)
6	**Cơ sở vật chất văn hóa**	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh	Đạt	Đạt	Đạt

		thao của toàn xã					
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định			Đạt	Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	%	100%	10/10 thôn, làng có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng (100%)	Đạt	10/10 thôn, làng có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng (100%)
7	**Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn**	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh	Đạt	Đạt	Đạt
8	**Thông tin và Truyền thông**	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh	Có 01 điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Có 01 điểm phục vụ bưu chính
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet			Đạt	Đạt	Đạt
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn			Đạt	Đạt	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, Điều hành			Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, Điều hành	Đạt	Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, Điều hành
9	**Nhà ở dân cư**	9.1. Nhà tạm, dột nát		Không	Không có	Đạt	Không có
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	%	≥75%	1.728 hộ/2.160 hộ (80%)	Đạt	1.728 hộ/2.160 hộ (80%)
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT							
10	**Thu nhập**	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng	≥41	Thu nhập bình quân đầu	Đạt	Thu nhập bình quân

		khu vực nông thôn đến năm 2020 *(triệu đồng/người)*			người cuối năm 2020 đạt 41,3 triệu đồng/người		đầu người cuối năm 2020 đạt 41,3 triệu đồng/người
11	**Hộ nghèo**	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	%	≤7%	131/2.160 hộ (tỷ lệ 6%)	Đạt	131/2.160 hộ (tỷ lệ 6%)
12	**Lao động có việc làm**	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	%	≥90%	Có 5.510 người/5.557 người đạt 99,1 %	Đạt	Có 5.510 người/5.557 người đạt 99,1 %
13	**Tổ chức sản xuất**	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012		Đạt	xã có 01 HTX Công nông nghiệp và Dịch vụ Hợp Tiến xã Ia Lâu hoạt động theo Luật HTX năm 2012	Đạt	xã có 01 HTX Công nông nghiệp và Dịch vụ Hợp Tiến xã Ia Lâu hoạt động theo Luật HTX năm 2012
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững		Đạt	Có mô hình liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm Lúa, và mô hình liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm điều	Đạt	Có mô hình liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm Lúa, và mô hình liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm điều
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG							
4	**Giáo dục**	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở		Đạt	- PCGDMN: MĐ 2 -PCGD tiểu học: MĐ3 - PCGD THCS: MĐ1 - XMC: MĐ2	Đạt	- PCGDMN: MĐ 2 -PCGD tiểu học: MĐ3 - PCGD THCS: MĐ1 - XMC: MĐ2
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ	%	≥70%	có 104 học sinhtốt nghiệp THCS được học lên/ tổng số 105 học	Đạt	có 104 học sinhtốt nghiệp THCS được học lên/ tổng số 105

		túc, trung cấp)			sinh (đạt 99,05%)		học sinh (đạt 99,05%)
		14.3. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo	%	≥25%	25%	Đạt	25%
15	**Y tế**	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	≥85%	có 9.526 người tham gia/9.935 người, đạt 95,88%	Đạt	có 9.526 người tham gia/9.935 người, đạt 95,88%
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế		Đạt	Đạt (80,5 điểm)	Đạt	Đạt (80,5 điểm)
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	%	≤31,4%	Đạt (số trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi 185/920 trẻ em, đạt 20,1%)	Đạt	Đạt (số trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi 185/920 trẻ em, đạt 20,1%)
16	**Văn hóa**	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	%	≥70%	có 8 thôn, làng đạt chuẩn văn hóa/10 thôn, làng, đạt 80%	Đạt	có 8 thôn, làng đạt chuẩn văn hóa/10 thôn, làng, đạt 80%
17	**Môi trường và an toàn thực phẩm**	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định	%	≥95% (≥60% nước sạch)	có 2.160 hộ được sử dụng nước HVS/2.160 hộ, đạt 100%, có 2.160 hộ được sử dụng nước sạch/2.160 hộ, đạt 100%	Đạt	có 2.160 hộ được sử dụng nước HVS/2.160 hộ, đạt 100%, có 2.160 hộ được sử dụng nước sạch/2.160 hộ, đạt 100%
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	%	100%	toàn xã có không có cơ sở sản xuất kinh doanh nuôi trồng thủy sản, làng nghề	Đạt	toàn xã có không có cơ sở sản xuất kinh doanh nuôi trồng thủy sản, làng nghề
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp, an toàn		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

		17.4. Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch		Theo quy định cụ thể của UBND cấp tỉnh	Đạt	Đạt	Đạt
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	%	≥70%	1.605/2.160 Số hộ có nhà tiêu HVS là 1.766/2.160 hộ, đạt 82 % Số hộ có nhà tắm HVS 1.505/2.160 hộ, đạt 70% Số hộ có bể chứa nước sinh hoạt HVS 1.605/2.160 hộ, đạt 74% Xây dựng gia đình đảm báo 3 sạch là 1.823/1.920 hộ, đạt 95%	Đạt	1.605/2.160 Số hộ có nhà tiêu HVS là 1.766/2.160 hộ, đạt 82 % Số hộ có nhà tắm HVS 1.505/2.160 hộ, đạt 70% Số hộ có bể chứa nước sinh hoạt HVS 1.605/2.160 hộ, đạt 74% Xây dựng gia đình đảm báo 3 sạch là 1.823/1.920 hộ, đạt 95%
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	%	≥60%	các hộ chăn nuôi có bản cam kết bảo vệ môi trường với xã. (146/146 hộ đạt 100%) Số hộ chăn nuôi HVS 118 /146 hộ, đạt 80,8%	Đạt	các hộ chăn nuôi có bản cam kết bảo vệ môi trường với xã. (146/146 hộ đạt 100%) Số hộ chăn nuôi HVS 118 /146 hộ,

							đạt 80,8%
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	%	100%	Tổng số hộ gia đình vàcơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ 2.160 hộ, trong đó: 68 hộ sản xuất kinh doanh, các hộ đã tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt 100%. 2.092/2.092 hộ ký cam kết sản xuất nhỏ lẻ ban đầu an toàn với xã, đạt 100%	Đạt	Tổng số hộ gia đình vàcơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ 2.160 hộ, trong đó: 68 hộ sản xuất kinh doanh, các hộ đã tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt 100%. 2.092/2.092 hộ ký cam kết sản xuất nhỏ lẻ ban đầu an toàn với xã, đạt 100%
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ							
18	**Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp Luật**	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn		Đạt	21 người (cán bộ 10, công chức 11). Số cán bộ đạt chuẩn: 10/10 người (đạt tỷ lệ 100%). Số công chức đạt chuẩn: 11/11 người (đạt tỷ lệ 100%)	Đạt	21 người (cán bộ 10, công chức 11). Số cán bộ đạt chuẩn: 10/10 người (đạt tỷ lệ 100%). Số công chức đạt chuẩn: 11/11 người (đạt tỷ lệ 100%)
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "trong sạch, vững mạnh"		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	%	100%	Đạt	Đạt	Đạt
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp Luật theo quy định		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
19	**Quốc phòng và An ninh**	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm trước		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt